

Số: 153/2021/QĐST-HNGĐ

P, ngày 20 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 383/2021/TLST-HNGĐ ngày 23-11-2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1988. Hộ khẩu thường trú: Lô A chung cư T, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Tổ H, khu phố M, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ H, khu phố M, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Q và ông Phạm Văn T, địa chỉ: Tổ H, khu phố M, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Q và ông Phạm Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được UBND xã X, huyện T (nay là phường X, thị xã P), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 260, quyền 02/2014 ngày 25-12-2014 nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc Q và ông Phạm Văn T là hợp pháp.

Xét thấy, các bên đương sự đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Ngọc Q và ông Phạm Văn T yêu cầu ly hôn. Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án công nhận cho bà Nguyễn Ngọc Q và ông Phạm Văn T thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Ngọc Q và ông Phạm Văn T thừa nhận vợ chồng có một con chung là Phạm Nguyễn Minh T1, sinh ngày 20-11-2019.

Bà Nguyễn Ngọc Q và ông Phạm Văn T thỏa thuận giao con chung cho bà Nguyễn Ngọc Q nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và ông Phạm Văn T không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con và phù hợp với quy định của Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự giao cháu Phạm Nguyễn Minh T1 cho bà Nguyễn Ngọc Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và ông Phạm Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Ngọc Q và ông Phạm Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc Q và ông Phạm Văn T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về lệ phí: Bà Nguyễn Ngọc Q và ông Phạm Văn T mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Q và ông Phạm Văn T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Ngọc Q và ông Phạm Văn T có một con chung là Phạm Nguyễn Minh T1, sinh ngày 20-11-2019.

Giao cháu Phạm Nguyễn Minh T1 cho bà Nguyễn Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Phạm Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Phạm Văn T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc Q và ông Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Nguyễn Ngọc Q và ông Phạm Văn T mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005609 ngày 23-11-2021 của Chi cục Thi

hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Nguyễn Ngọc Q và ông Phạm Văn T đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX.P, tỉnh BR-VT;
- UBND P.X, TX.P;
- Lưu: hồ sơ vụ án, KT, VP.

THẨM PHÁN

Nông Thị Tình